

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/01/2022
V/v **“Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Tân.

2. Ông Lữ Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **394/2021/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 07 năm 2021 về việc **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **178/2021/QĐXXS-HNGĐ** ngày 24 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số **09/2022/QĐST-HNGĐ** ngày 12 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Lê Đức Q**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 7, xã GA, huyện TL, tỉnh BT.

*** Bị đơn: Bà Trần Thị My L**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn GR, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2021, bản tự khai, nguyên đơn ông Lê Đức Q trình bày:**

Ông và bà Trần Thị My L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã GA, huyện TL, tỉnh BT. Do công việc của ông làm nông nghiệp tại huyện TL, còn bà L

buôn bán tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên cuộc sống mỗi người một nơi nên vợ chồng ít có thời gian sống gần nhau và từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, bà L sống chung với ông gần 2 năm thì bà ở lại huyện Xuân Lộc sinh sống và không quay về nữa, vợ chồng ly thân từ thời gian đó. Ông có gặp bà L giải quyết việc ly hôn bà L đồng ý nhưng bà không đồng ý đến Tòa án làm việc. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, khó để hàn gắn đoàn tụ nên ông có yêu cầu ly hôn với bà L.

Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: ông khai không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị My L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân thị trấn GR, huyện Xuân Lộc cung cấp hiện bà Trần Thị My L đang sinh sống tại số nhà 181, đường TP, khu phố 5, thị trấn GR, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Về mâu thuẫn của ông Q và bà L chính quyền địa phương không nắm rõ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đức Qg, anh Q được ly hôn với chị Trần Thị My L.

Về con chung: không giải quyết.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Lê Đức Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị My L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Đức Q khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị My L hiện đang sinh sống tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn”**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: ông Lê Đức Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

xin ly hôn đối với bà Trần Thị My L. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Q Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Lê Đức Q và bà Trần Thị My L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã GA, huyện TL, tỉnh BT, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Q khai do cuộc sống vợ chồng sống mỗi người một nơi, ông sống tại tỉnh BT còn bà L buôn bán tại huyện Xuân Lộc thời gian vợ chồng sống gần nhau rất ít, từ đó tình cảm ngày một lạnh nhạt, bà L sống chung với ông gần 2 năm thì bà ở lại hãn huyện Xuân Lộc sinh sống và không về nữa vợ chồng ly thân từ thời gian đó, cả hai không còn liên lạc với nhau và cũng không có thiện chí đoàn tụ.

Xét cuộc hôn nhân giữa ông Q và bà L tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Q có yêu cầu ly hôn với bà L. Xét yêu cầu trên của ông Q là có cơ sở nên chấp nhận và cũng phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: do ông Q không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ông Lê Đức Q phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức Q đối với bà Trần Thị My L về việc **“Ly hôn”**. Cho ông Lê Đức Q được ly hôn với bà Trần Thị My L.

- **Về con chung:** không có.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** do ông Q không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: ông Lê Đức Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án

phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0006798 ngày 17/6/2021 được tính trừ vào án phí.

Ông Lê Đức Q, bà Trần Thị My L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND thị trấn GR;
- Các đương sự; Lưu hs.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng